TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Huyền T**,** sinh năm 1987, địa chỉ: Số A Đ, khu A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

- Bị đơn: Anh Lê Công T1**,** sinh năm 1984, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Hàn Quốc.

Chị T, anh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Trần Thị Huyền T trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Chị và anh Lê Công T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/11/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Năm 2008, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở khu A, phường B, thành phố H để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm này. Năm 2018, anh T1 đi

Hàn Quốc làm việc, chị cũng không nắm được mà chỉ biết được thông qua gia đình anh T1, vợ chồng cắt đứt liên lạc từ khi anh T1 đi Hàn Quốc. Năm 2019, chị sang Đài Loan làm việc nhưng hiện nay chị đã về nước. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, thực tế vợ chồng sống ly thân nhiều năm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

- *Về con chung*: Chị và anh T1 có 01 con chung là Lê Trần Hải Đ, sinh ngày 30/11/2007, hiện cháu đang ở cùng chị và bà ngoại. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Hiện nay, chị đang ở cùng mẹ đẻ, mẹ chị giúp đỡ chị hàng ngày trong quá trình chăm sóc cháu Hải Đ.

- *Về tài sản chung, vay nợ*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh T1 tại Hàn Quốc nên Tòa án đã xác minh qua gia đình anh T1, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh T1. Chị Lê Thu T2 là em gái anh T1 trình bày: Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và T1 như chị Trang trình bày là đúng. Hiện nay, anh T1 đang làm việc tại Hàn Quốc, sau khi nhận được thông báo thụ lý và các văn bản của Tòa án, chị đã thông báo cho anh T1 biết về việc chị T có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Quan điểm của anh T1 nhất trí ly hôn và đồng ý để chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Trần Hải Đ, sinh ngày 30/11/2007 đến khi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con chung, anh T1 nhất trí. Anh Trung xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh T1 đang đi làm xa nên anh Trung xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa, các văn bản Tòa án gửi cho anh T1 đề nghị gửi cho chị và chị sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh T1.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Đại diện Viểm sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Trần Thị Huyền T ly hôn anh Lê Công T1; Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Trần Hải Đ, sinh ngày 30/11/2007 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về

tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị Huyền T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Lê Công T1. Anh T1 hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh T1 tại Hàn Quốc. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị T và gia đình anh T1 cung cấp địa chỉ, nhưng chị T và gia đình anh T1 không cung cấp được. Chị T2 em gái anh T1 xác định: anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, chị T2 đã thông báo cho anh T1 biết về việc chị T có đơn xin ly hôn nhưng anh T1 không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền T và anh Lê Công T1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/11/2006 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Năm 2018, anh T1 đi Hàn Quốc, chị T không nắm được, sau đó chị T đi Đài Loan anh T1 không nắm được. Hiện nay, chị T đã về nước, còn anh T1 vẫn ở bên Hàn Quốc làm việc. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Thông qua gia đình, anh T1 xác định vợ chồng có mâu thuẫn, do vợ chồng ly thân nhiều năm, không còn tình cảm, anh T1 nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị T. Xét mâu thuẫn của chị Trang và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Lê Trần Hải Đ, sinh ngày 30/11/2007. Hiện cháu Hải Đ đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cháu Hải Đ có nguyện vọng được ở với mẹ, anh T1 cũng nhất trí. Xét thấy anh T1 hiện đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện tại con chung đang ở cùng chị T nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao cháu Lê Trần Hải Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Huyền T được ly hôn anh Lê Công T1.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị Huyền T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Trần Hải Đ, sinh ngày 30/11/2007, thời gian từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0003950 ngày 27/02/2023 (chị T đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương(*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa